



xì yuàn
戏院

noun · theater (for plays/opera)

Example Sentences

Wǒ men zhōu mò qù xì yuàn kàn xì
我们周末去戏院看戏。

We go to the theater to watch a play on the weekend.

Lǎo xì yuàn fān xīn hòu xī yǐn le hěn duō guān zhòng
老戏院翻新后，吸引了很多观众。

After the old theater was renovated, it attracted many audiences.

Trace each character, then write the word on your own.

戏	戏	戏	戏	戏	戏	戏	戏	戏		
院	院	院	院	院	院	院	院	院	院	院
院										